

Khách sạn bền vững tại Việt Nam: Giải pháp kinh tế xanh và phân tích SWOT

Trần Thị Thu Vân¹, Mai Hải Giang^{2*}

¹ Trung Tâm Tin học - Ngoại ngữ - Kỹ năng, Trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh

² Trung tâm Xúc tiến đầu tư và Dịch vụ tài chính công Cà Mau

TỪ KHÓA

Kinh tế xanh
Khách sạn bền vững
Công trình xanh
Vật liệu xanh
Năng lượng tái tạo

KEYWORDS

Green Economy
Sustainable Hotels
Green Buildings
Green Materials
Renewable Energy

TÓM TẮT

Ngành khách sạn Việt Nam đang phát triển nhanh chóng nhưng đối mặt với thách thức về ô nhiễm môi trường và chi phí đầu tư cao khi áp dụng mô hình kinh tế xanh. Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp xây dựng khách sạn, khu nghỉ dưỡng bền vững, đáp ứng xu hướng du lịch xanh. Phương pháp nghiên cứu kết hợp thu thập dữ liệu thứ cấp từ báo cáo công bố, khảo sát thực địa tại 5 khách sạn tiêu biểu, phỏng vấn 10 chuyên gia và phân tích SWOT để xác định các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả cho thấy thị trường khách sạn có tiềm năng du lịch lớn, song nhận thức về phát triển bền vững còn hạn chế, chi phí công nghệ xanh cao và khung pháp lý thiếu đồng bộ. Nghiên cứu đề xuất hỗ trợ tài chính, đào tạo nhân lực chuyên môn, hoàn thiện chính sách và nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh để thúc đẩy kinh tế xanh trong xây dựng.

ABSTRACT

Vietnam's hotel industry is growing rapidly but faces challenges of environmental pollution and high investment costs when applying the green economic model. This study aims to assess the current situation and propose solutions to build sustainable hotels and resorts to meet the green tourism trend. The research method combines secondary data collection from published reports, field surveys at 5 typical hotels, interviews with 10 experts and SWOT analysis to identify influencing factors. The results show that the hotel market has great tourism potential, but awareness of sustainable development is limited, green technology costs are high and the legal framework is not consistent. The study proposes financial support, training of professional human resources, policy improvement and upgrading of green infrastructure to promote green economy in construction.

1. Đặt vấn đề

Ngành du lịch Việt Nam đang phục hồi mạnh mẽ, đạt 17,6 triệu lượt khách quốc tế năm 2024 (tăng 40 % so với năm 2023) và doanh thu lưu trú 602,3 nghìn tỷ đồng (tăng 12,5 %) [1]. Với 641 khách sạn 4-5 sao cung cấp 138.314 phòng, tập trung tại Khánh Hòa, Đà Nẵng, và TP.HCM, ngành du lịch đóng vai trò quan trọng trong tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, sự phát triển này gây áp lực lớn lên tài nguyên thiên nhiên, dẫn đến ô nhiễm và nguy cơ cạn kiệt, với dự báo nhu cầu tài nguyên tăng gấp ba lần vào năm 2030. Ngành du lịch đóng góp khoảng 8 % lượng khí thải nhà kính toàn cầu và tạo ra lượng chất thải đáng kể, trung bình 1 kg rác/khách/ngày [2]. Mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn được xem là giải pháp chiến lược nhằm giảm thiểu tác động môi trường, tối ưu hóa tài nguyên, và nâng cao khả năng cạnh tranh [3]. Kinh tế xanh cải thiện phúc lợi con người, đảm bảo công bằng xã hội, và giảm rủi ro môi trường, trong khi kinh tế tuần hoàn nhấn mạnh tái sử dụng và tái chế để tạo chu trình khép kín. Các khách sạn áp dụng mô hình này có thể giảm 20-40 % tiêu thụ năng lượng và nước, đồng thời nâng cao trải nghiệm khách hàng [4]. Ví dụ, việc sử dụng năng lượng tái tạo và quản lý nước hiệu quả giúp tiết kiệm 15-30 % chi phí vận hành [5]. Xu hướng du lịch

xanh toàn cầu, với 83 % du khách ưu tiên cơ sở lưu trú bền vững, mở ra cơ hội lớn cho Việt Nam. Một số khách sạn như Topas Ecolodge và Six Senses Ninh Van Bay đã tiên phong sử dụng vật liệu tái chế, năng lượng tái tạo, và quản lý chất thải tiên tiến. Tuy nhiên, chi phí đầu tư cao, nhận thức hạn chế, thiếu nhân lực chuyên môn, và khung pháp lý chưa đồng bộ là những rào cản chính. Nghiên cứu này nhằm: (1) phân tích thực trạng áp dụng kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn trong ngành khách sạn 3-5 sao tại các địa phương du lịch trọng điểm (Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Quảng Ninh, Khánh Hòa, Lâm Đồng); (2) đề xuất giải pháp tích hợp từ thiết kế, thi công đến vận hành, dựa trên tiêu chuẩn LEED và LOTUS. Đối tượng nghiên cứu bao gồm kiến trúc sư, kỹ sư, nhà thầu, doanh nghiệp du lịch, cộng đồng địa phương, và cơ quan quản lý. Kết quả kỳ vọng cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn để tối ưu hóa tài nguyên, giảm tác động môi trường, nâng cao cạnh tranh, và hỗ trợ hoàn thiện khung pháp lý cho phát triển bền vững.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Thu thập dữ liệu

Dữ liệu thứ cấp: Tổng hợp từ các báo cáo công bố về kinh tế

*Liên hệ tác giả: maihaigiang.xaydung@gmail.com

Nhận ngày 09/06/2025, sửa xong ngày 15/07/2025, chấp nhận đăng ngày 16/07/2025

Link DOI: <https://doi.org/10.54772/jomc.04.2025.1051>

xanh, chính sách du lịch bền vững, và thị trường khách sạn Việt Nam. Các tài liệu cung cấp cơ sở lý thuyết và bối cảnh thực tiễn, tập trung vào xu hướng du lịch xanh và các quy định liên quan như Luật Bảo vệ Môi trường 2020.

Khảo sát thực địa: Quan sát tại năm khách sạn tiêu biểu (Topas Ecolodge, Mai Chau Ecolodge, Mango Bay Resort, Six Senses Ninh Van Bay, Alma Resort) để ghi nhận việc sử dụng vật liệu tái chế, công nghệ tiết kiệm năng lượng, và hệ thống quản lý chất thải [6].

Phòng vấn chuyên gia: Tiến hành phỏng vấn sâu với 10 chuyên gia, gồm năm kiến trúc sư, ba kỹ sư, và hai nhà thầu, có kinh nghiệm từ 5 đến 15 năm trong lĩnh vực khách sạn bền vững. Các phỏng vấn tập trung vào chi phí đầu tư, giải pháp kỹ thuật, và nhận thức về mô hình kinh tế xanh.

2.2. Quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện qua bốn giai đoạn để đảm bảo tính khoa học và toàn diện: Giai đoạn 1 - Tổng hợp dữ liệu: Kết hợp thông tin từ tài liệu công bố, khảo sát thực địa, và phỏng vấn để xây dựng cơ sở thực trạng về ứng dụng kinh tế xanh trong ngành khách sạn.

Giai đoạn 2 - Phân tích SWOT: Xác định các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, và thách thức dựa trên dữ liệu thu thập, nhằm nhận diện các yếu tố ảnh hưởng chính đến phát triển khách sạn bền vững.

Giai đoạn 3 - Khảo sát định lượng: Thiết kế bảng câu hỏi với năm yếu tố chính (vật liệu, công nghệ, chi phí, nhận thức, quản lý chất thải) để thu thập ý kiến từ các nhóm liên quan, bao gồm doanh nghiệp, cơ quan quản lý, khách du lịch, và cộng đồng địa phương. Câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức (từ 1: rất thấp đến 5: rất cao) để đánh giá mức độ ảnh hưởng của từng yếu tố [7].

Giai đoạn 4 - Phân tích dữ liệu: Tổng hợp điểm số từ khảo sát, sử dụng phương pháp trung bình có trọng số để xếp hạng các yếu tố ảnh hưởng. Kết quả được đối chiếu với phân tích SWOT để đảm bảo tính nhất quán và chính xác.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phân tích SWOT về xây dựng khách sạn xanh

Phân tích SWOT được thực hiện nhằm đánh giá các yếu tố nội tại và ngoại cảnh ảnh hưởng đến việc triển khai mô hình kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn trong ngành khách sạn Việt Nam, cung cấp cơ sở cho các giải pháp chiến lược [8]:

Điểm mạnh (Strengths): Việt Nam sở hữu tiềm năng du lịch lớn với hệ thống danh lam thắng cảnh phong phú và văn hóa đa dạng, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển khách sạn và khu nghỉ dưỡng bền vững. Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ, như Luật Bảo vệ Môi trường 2020, tạo hành lang pháp lý cho mô hình kinh tế xanh. Ngành du lịch phát triển nhanh, với 641 khách sạn 4-5 sao (138.314 phòng) tập trung tại các địa phương như Khánh Hòa, Đà Nẵng, TP.HCM. Nguồn nhân lực trẻ, năng động, dễ dàng tiếp thu công nghệ mới, là lợi thế trong vận hành khách sạn xanh [9].

Điểm yếu (Weaknesses): Nhận thức về phát triển bền vững trong ngành khách sạn còn hạn chế, nhiều doanh nghiệp chưa thấy lợi ích dài hạn của kinh tế xanh. Chi phí đầu tư ban đầu cho công nghệ xanh cao, gây khó khăn cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thiếu nhân lực chuyên môn sâu về quản lý công trình xanh, ảnh hưởng đến hiệu quả triển khai. Cơ sở hạ tầng tại nhiều địa phương chưa đáp ứng yêu cầu về quản lý chất thải hoặc tái chế. Sự phối hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương thiếu đồng bộ, dẫn đến hiệu quả triển khai thấp.

Cơ hội (Opportunities): Xu hướng du lịch xanh toàn cầu phát triển mạnh, thu hút phân khúc khách hàng cao cấp có ý thức bảo vệ môi trường (83% du khách ưu tiên du lịch bền vững - Booking.com, 2021). Hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức quốc tế giúp giảm chi phí đầu tư ban đầu. Chính sách ưu đãi thuế và vốn vay từ chính phủ khuyến khích phát triển du lịch bền vững. Áp dụng kinh tế xanh giúp tiết kiệm chi phí vận hành dài hạn và nâng cao khả năng cạnh tranh quốc tế.

Thách thức (Threats): Biến đổi khí hậu và thiên tai ảnh hưởng nghiêm trọng đến cơ sở hạ tầng du lịch, đặc biệt tại vùng ven biển và núi. Cạnh tranh gay gắt trong ngành khách sạn khiến doanh nghiệp ưu tiên lợi nhuận ngắn hạn hơn đầu tư bền vững. Chi phí công nghệ xanh cao và sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ tạo áp lực cho doanh nghiệp nhỏ. Thói quen tiêu dùng chưa thân thiện với môi trường của một bộ phận du khách là trở ngại lớn.

3.2. Phân tích thông tin nhóm đối tượng khảo sát

Khảo sát thực địa tại 5 khách sạn tiêu biểu (Topas Ecolodge, Mai Chau Ecolodge, Mango Bay Resort, Six Senses Ninh Van Bay, Alma Resort) cho thấy một số cơ sở đã áp dụng vật liệu tái chế, năng lượng tái tạo (pin mặt trời tại Alma Resort), và quản lý chất thải tiên tiến (Six Senses Ninh Van Bay). Tuy nhiên, việc triển khai kinh tế xanh và tuần hoàn còn hạn chế, chưa đồng bộ [10]. Để phân tích chi tiết hơn, khảo sát định lượng được thực hiện với 40 đối tượng liên quan. Dữ liệu được trình bày trong (Bảng 1).

Bảng 1. Thống kê thông tin nhóm đối tượng khảo sát.

Thống kê đối tượng khảo sát	Số lượng	Tỉ lệ
Doanh nghiệp du lịch và khách sạn	6	15,0%
Cơ quan quản lý nhà nước	4	10,0%
Chuyên gia trong lĩnh vực du lịch	3	7,5%
Nhân viên ngành du lịch và khách sạn	5	12,5%
Khách du lịch	5	12,5%
Cộng đồng địa phương	5	12,5%
Nhà thầu xây dựng	8	20,0%
Học giả và nghiên cứu viên	4	10,0%

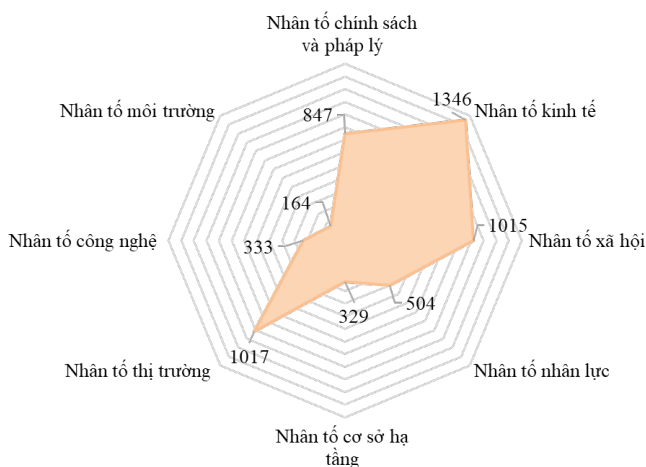
Kết quả từ Bảng 1 cho thấy sự phân bố hợp lý giữa các nhóm đối tượng, đảm bảo tính đa chiều trong việc thu thập dữ liệu. Sự tham gia của nhà thầu 20 % và doanh nghiệp du lịch 15 % phản ánh góc nhìn

thực tiễn từ các bên trực tiếp thực hiện dự án, trong khi ý kiến từ khách du lịch 12,5 % và cộng đồng địa phương 12,5 % cung cấp thông tin về nhu cầu thị trường và tác động xã hội. Các học giả 10% và chuyên gia du lịch 7,5 % đóng góp góc nhìn lý thuyết và chuyên sâu, giúp nghiên cứu đạt được sự cân bằng giữa thực tiễn và khoa học. Kết quả khảo sát định lượng được phân tích để xếp hạng các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến việc áp dụng kinh tế xanh, được trình bày chi tiết trong (Bảng 2).

Bảng 2. Bảng xếp hạng các nhóm yếu tố ảnh hưởng.

Nhóm nhân tố	Ký hiệu	Tổng điểm	Xếp hạng
Nhân tố kinh tế	KT	1346	1
Nhân tố thị trường	TT	1017	2
Nhân tố xã hội	XH	1015	3
Nhân tố chính sách và pháp lý	CSPL	847	4
Nhân tố nhân lực	NL	504	5
Nhân tố công nghệ	CN	333	6
Nhân tố cơ sở hạ tầng	HT	329	7
Nhân tố môi trường	MT	164	8

Dữ liệu từ Bảng 2 cho thấy nhóm yếu tố kinh tế đạt tổng điểm cao nhất 1346 điểm, trung bình 4,35/5, phản ánh chi phí đầu tư công nghệ xanh cao và áp lực cạnh tranh trong ngành khách sạn là những rào cản chính. Nhóm thị trường 1017 điểm, trung bình 4,10/5 và xã hội 1015 điểm, trung bình 4,25/5 cho thấy tiềm năng lớn từ xu hướng du lịch xanh, nhưng nhận thức hạn chế và sự phối hợp yếu giữa các bên liên quan điểm trung bình 4,25/5 là trở ngại đáng kể. Nhóm chính sách-pháp lý 847 điểm, trung bình 4,28/5 chỉ ra rằng khung pháp lý, dù có nền tảng từ Luật Bảo vệ Môi trường 2020, vẫn chưa đủ đồng bộ để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn [11]. Các nhóm nhân lực 504 điểm, trung bình 4,05/5, công nghệ 333 điểm, cơ sở hạ tầng 329 điểm, và môi trường 164 điểm đều có điểm số thấp hơn, nhấn mạnh sự cần thiết phải cải thiện đào tạo nhân lực, ứng dụng công nghệ tiên tiến như BIM, và nâng cấp hệ thống quản lý chất thải. Để minh họa trực quan hơn, dữ liệu từ Bảng 2 được biểu diễn trong (Hình 1).



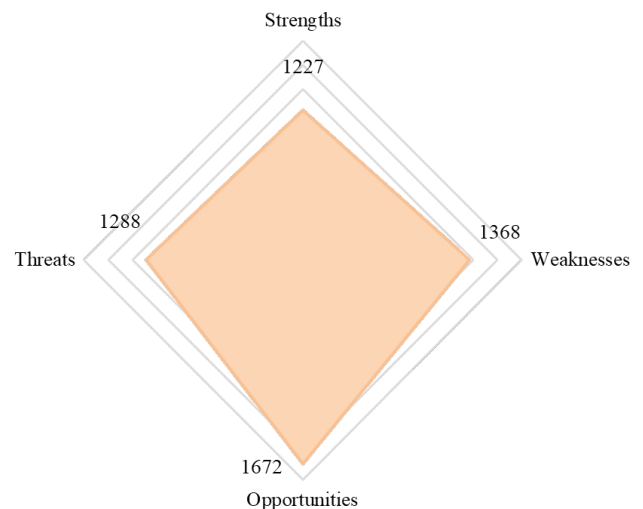
Hình 1. Biểu đồ xếp hạng các nhóm yếu tố ảnh hưởng.

Hình 1 cung cấp cái nhìn trực quan về mức độ ảnh hưởng của các nhóm yếu tố, với nhóm kinh tế dẫn đầu, phản ánh vai trò chi phí và cạnh tranh trong việc cản trở triển khai kinh tế xanh. Nhóm thị trường và xã hội có điểm số gần tương đương, cho thấy tiềm năng từ nhu cầu du lịch xanh nhưng cần nâng cao nhận thức và cải thiện phối hợp. Các nhóm công nghệ, cơ sở hạ tầng, và môi trường có điểm số thấp nhất, chỉ ra rằng việc ứng dụng các công nghệ như BIM, năng lượng tái tạo, và cải thiện hệ thống quản lý chất thải là những lĩnh vực cần ưu tiên để thúc đẩy phát triển bền vững trong ngành khách sạn. Phân tích ma trận SWOT được trình bày chi tiết trong (Bảng 3).

Bảng 3. Bảng xếp hạng các nhóm yếu tố ảnh hưởng của ma trận SWOT.

Ký hiệu	Nhóm yếu tố	Điểm	Xếp hạng
S	Điểm mạnh (Strengths)	1227	4
W	Điểm yếu (Weaknesses)	1368	2
O	Cơ hội (Opportunities)	1672	1
T	Thách thức (Threats)	1288	3

Bảng 3 tổng hợp kết quả đánh giá các nhóm yếu tố trong ma trận SWOT, trong đó nhóm cơ hội (O) đạt điểm cao nhất (1672 điểm), nhờ vào xu hướng du lịch xanh toàn cầu (điểm trung bình 4,38/5) và hỗ trợ từ các tổ chức quốc tế 3,95/5. Nhóm điểm yếu (W, 1368 điểm) nổi bật với các vấn đề về nhận thức 4,25/5, chi phí đầu tư công nghệ xanh 4,35/5, và khung pháp lý chưa đồng bộ 4,28/5. Nhóm thách thức (T, 1288 điểm) nhấn mạnh tác động của biến đổi khí hậu 4,10/5 và cạnh tranh gay gắt, trong khi nhóm điểm mạnh (S, 1227 điểm) được hỗ trợ bởi tiềm năng du lịch và khung pháp lý hiện có. Kết quả này cho thấy cần tận dụng cơ hội từ xu hướng toàn cầu để khắc phục các điểm yếu nội tại và đối phó với thách thức môi trường. Dữ liệu từ Bảng 3 được minh họa trực quan trong (Hình 2).



Hình 2. Biểu đồ xếp hạng các nhóm yếu tố ảnh hưởng.

Hình 2 minh họa rõ ràng sự vượt trội của nhóm cơ hội so với các nhóm yếu tố khác, nhấn mạnh tiềm năng lớn từ xu hướng du lịch xanh

toàn cầu và các chương trình hỗ trợ quốc tế. Tuy nhiên, điểm số cao của nhóm điểm yếu cho thấy các hạn chế nội tại như thiếu nhân lực chuyên môn, cơ sở hạ tầng yếu, và khung pháp lý chưa đồng bộ cần được ưu tiên khắc phục. Nhóm thách thức cũng đáng chú ý với các yếu tố như biến đổi khí hậu và cạnh tranh, trong khi nhóm điểm mạnh là nền tảng để phát triển khách sạn bền vững thông qua tài nguyên du lịch phong phú và chính sách hỗ trợ hiện có [12].

Tổng hợp các kết quả, nghiên cứu cho thấy ngành khách sạn Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển bền vững nhờ tài nguyên du lịch phong phú và xu hướng du lịch xanh toàn cầu. Tuy nhiên, các rào cản như chi phí đầu tư cao, nhận thức thấp, thiếu nhân lực chuyên môn, và khung pháp lý chưa đồng bộ cần được khắc phục. Các khách sạn tiên phong như Topas Ecolodge và Six Senses Ninh Van Bay là minh chứng cho tính khả thi của mô hình kinh tế xanh, nhưng cần nhân rộng và đồng bộ hóa các giải pháp để đạt hiệu quả trên toàn ngành.

3.3. Giải pháp đề xuất

Dựa trên thực trạng và phân tích SWOT, các giải pháp chiến lược dưới đây được đề xuất để khắc phục các hạn chế và tận dụng cơ hội nhằm thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn trong ngành khách sạn Việt Nam:

Thiết kế và thi công bền vững: Để giải quyết vấn đề chi phí đầu tư cao 4,35/5 và cơ sở hạ tầng yếu 3,75/5, cần áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như LEED (Leadership in Energy and Environmental Design) và LOTUS, sử dụng vật liệu tái chế và vật liệu địa phương để giảm 30 % lượng khí thải carbon. Tích hợp năng lượng tái tạo, như hệ thống pin mặt trời được triển khai tại Alma Resort, có thể giảm 20 % chi phí điện. Ngoài ra, quản lý nước tái sử dụng (giảm 30 % tiêu thụ nước) và quản lý chất thải xây dựng (giảm 90 % rác chôn lấp, nghiên cứu 2015) là các giải pháp kỹ thuật khả thi để nâng cao tính bền vững [13].

Quản lý và vận hành xanh: Để khắc phục hạn chế về công nghệ 3,80/5, cần ứng dụng công nghệ thông minh như BIM và IoT (Internet of Things), sử dụng đèn LED và cảm biến ánh sáng để tối ưu hóa năng lượng. Hệ thống phân loại và tái chế chất thải, như đã triển khai tại Six Senses Ninh Van Bay, có thể giảm 50 % chất thải thực phẩm. Các giải pháp này không chỉ giảm tác động môi trường mà còn đáp ứng nhu cầu thị trường về du lịch xanh 4,10/5.

Nhà thầu xây dựng: Đối với điểm yếu về nhân lực 4,05/5, cần đào tạo đội ngũ thi công về các phương pháp xây dựng xanh, ứng dụng BIM và công nghệ in 3D để nâng cao hiệu quả thi công. Quản lý chất thải xây dựng hiệu quả và bảo vệ hệ sinh thái công trường có thể tăng giá trị bất động sản đến 20 %, góp phần cải thiện yếu tố kinh tế 4,35/5.

Phát triển nguồn nhân lực: Để khắc phục hạn chế về nhân lực chuyên môn (4,05/5), cần tổ chức các chương trình đào tạo chuyên sâu về quản lý công trình xanh theo tiêu chuẩn LEED. Điều này tận dụng điểm mạnh về nguồn nhân lực trẻ, năng động (mục 3.1) và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của các dự án bền vững.

Marketing và truyền thông: Nhằm nâng cao nhận thức xã hội 4,25/5 cần triển khai các chiến dịch quảng bá hình ảnh khách sạn xanh, tận dụng xu hướng 83 % du khách ưu tiên du lịch bền vững. Các chiến

dịch này sẽ tăng cường yếu tố thị trường 4,10/5 và thúc đẩy hành vi tiêu dùng thân thiện với môi trường [14].

Hợp tác cộng đồng: Đề cải thiện yếu tố xã hội 4,25/5, cần hợp tác với cộng đồng địa phương để cung cấp vật liệu tái chế, bảo tồn văn hóa bản địa, và tạo cơ hội việc làm bền vững.

Chính sách hỗ trợ: Để khắc phục hạn chế về chính sách-pháp lý 4,28/5 cần hoàn thiện khung pháp lý, cụ thể hóa các quy định về du lịch bền vững và kinh tế tuần hoàn. Chính phủ nên cung cấp ưu đãi thuế và hỗ trợ tài chính để giảm chi phí đầu tư công nghệ xanh 4,35/5. Tăng cường giám sát hiệu quả môi trường điểm trung bình 4,45/5 và tham gia các sáng kiến quốc tế như Green Key, EarthCheck, và chương trình Hotel Sustainability Basics của WTTC sẽ hỗ trợ tận dụng cơ hội từ xu hướng toàn cầu 1672 điểm.

4. Kết luận

Nghiên cứu chỉ ra nhân tố kinh tế 1346 điểm và thị trường 1017 điểm là các yếu tố quan trọng, khẳng định chi phí đầu tư và nhu cầu thị trường là động lực cốt lõi trong ứng dụng kinh tế xanh cho xây dựng khách sạn, trong khi nhân tố môi trường 164 điểm xếp cuối, nhận thức còn thấp về bảo vệ môi trường. Ma trận SWOT cho thấy cơ hội 1672 điểm xu hướng du lịch xanh và hợp tác quốc tế, song điểm yếu 1368 điểm về nhân lực, cơ sở hạ tầng và khung pháp lý.

Để xây dựng khách sạn và khu nghỉ dưỡng bền vững, cần triển khai các giải pháp: thiết lập chính sách hỗ trợ tài chính nhằm giảm chi phí đầu tư ban đầu, đào tạo nhân lực chuyên môn về quản lý công trình xanh, hoàn thiện quy định pháp lý để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, và nâng cấp hệ thống quản lý chất thải cùng năng lượng tái tạo. Chính phủ nên ưu đãi thuế và giám sát thực thi pháp lý, doanh nghiệp đầu tư công nghệ BIM, cộng đồng địa phương tham gia cung cấp vật liệu tái chế, đảm bảo phối hợp đồng bộ giữa các bên liên quan.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Tác giả1a và Tác giả2b, "Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn cho lĩnh vực khách sạn tại Việt Nam," tài liệu chưa công bố, 2025.
- [2]. S. Pirani và H. Arafat, "Solid waste management in the hospitality industry: A review," *J. Environ. Manage.*, vol. 146, pp. 320–336, 2014.
- [3]. P. Ghisellini, C. Cialani, và S. Ulgiati, "A review on circular economy: The expected transition to a balanced interplay of environmental and economic systems," *J. Clean. Prod.*, vol. 114, pp. 11–32, 2016.
- [4]. P. Bohdanowicz và I. Martinac, "Determinants and benchmarking of resource consumption in hotels—Case study of Hilton International and Scandic in Europe," *Energy Build.*, vol. 39, no. 1, pp. 82–95, 2007.
- [5]. Booking.com, "Sustainable Travel Report," 2021.
- [6]. P. Ghisellini, C. Cialani, và S. Ulgiati, "A review on circular economy: The expected transition to a balanced interplay of environmental and economic systems," *J. Clean. Prod.*, vol. 114, pp. 11–32, 2016.
- [7]. P. Bohdanowicz và I. Martinac, "Determinants and benchmarking of resource consumption in hotels—Case study of Hilton International and Scandic in Europe," *Energy Build.*, vol. 39, no. 1, pp. 82–95, 2007.
- [8]. Booking.com, "Sustainable Travel Report," 2021.

- [9]. Tác giả1a và Tác giả2b, “Xây dựng mô hình kinh tế tuần hoàn cho lĩnh vực khách sạn tại Việt Nam,” tài liệu chưa công bố, 2025.
- [10]. T. Kularatne, C. Wilson, và J. Hoang, “Tourism and the environment: A review of the literature,” *J. Sustain. Tour.*, vol. 27, no. 7, pp. 1067–1087, 2019.
- [11]. S. Gössling, P. Peeters, và J. P. Ceron, “Sustainable tourism: A global perspective,” *Tour. Manag.*, vol. 33, no. 5, pp. 1044–1054, 2012.
- [12]. [P. Ghisellini, C. Cialani, và S. Ulgiati, “A review on circular economy: The expected transition to a balanced interplay of environmental and economic systems,” *J. Clean. Prod.*, vol. 114, pp. 11–32, 2016.
- [13]. P. Bohdanowicz và I. Martinac, “Determinants and benchmarking of resource consumption in hotels—Case study of Hilton International and Scandic in Europe,” *Energy Build.*, vol. 39, no. 1, pp. 82–95, 2007.
- [14]. UNEP, “Towards a Green Economy: Pathways to Sustainable Development and Poverty Eradication,” 2011.